BAOVIET Insurance
BẢO HIỂM BẢO VIỆT

GIẤY YÊU CẦU BẢO HIỂM - PROPOSAL FORM
BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM CÔNG CỘNG VÀ SẢN PHẨM - PUBLIC & PRODUCT BROADFORM LIABILITY INSURANCE

LƯU Ý/NOTE

- Đề nghị trả lời đầy đủ Tất cả các câu hỏi dưới đây. Có thể cung cấp hoặc bổ sung thêm chi tiết nếu cần thiết.

Please fully answer all the below question. Please provide further information if required or if necessary.

- Với các câu hỏi có hộp để trống, vui lòng đánh dấu X vào các hộp trống đó

Please fill the empty box with X.

- Các câu hỏi có dấu (*) là bắt buộc.

Questions with (*) are compulsory.

I CÁC THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

(1) Người yêu cầu bảo hiểm/*Name of Proposer in full (*)*

(2) Địa chỉ trụ sở chính/*Address (*)*

(3) Ngành nghề kinh doanh/*Description of the business (*)*

(4) Ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh/*Date of establishment (*)*

(5) Miêu tả về nhà cửa, kho tàng hoặc các vấn đề bên ngoài của hợp đồng mà đơn bảo hiểm này sẽ áp dụng/

Description of premises or outside contract to which insurance shall apply (*)

(a) Tình hình hiện trạng của nhà cửa, kho tàng hay công trường và các bên xung quanh/*Situation of premises or sites of contract and surroundings*

(b) Số lượng các cao ốc/số nhân viên ở mỗi địa điểm/*Number of buildings/employees per location*

(c) Trang thiết bị sử dụng trong nhà cửa, kho tàng/*Equipment used on the premises*

(d) Số lượng và chủng loại thang máy, xe nâng, cầu thang tự động, cần cẩu, tời hay các máy móc khác yêu cầu được bảo hiểm/*Number and kind of lifts, elevators, escalators, cranes, hoists or other machinery to be covered*

(6) Ước tổng quỹ lương hàng năm (của tất cả các nhân viên và ban lãnh đạo)/Estimated total annual wages and salaries including remuneration of working partners and directors

(a) Lương của các nhân viên tại nhà xưởng, kho tàng/*At own premises*

(b) Lương của các nhân viên làm ở những nơi khác ngoài nhà xưởng, kho tàng/*At any other places outside own premises*

(7) Tổng doanh thu hàng năm/*Total annual turnover (*)*

(a) Ước năm tài chính sắp tới/*Estimate coming financial year*

(b) Doanh thu năm tài chính hiện tại/*Current financial year*

(c) Doanh thu năm tài chính đã qua/*Past financial year*

II CÁC THÔNG TIN ĐỐI VỚI CÁC RỦI RO NHỎ/THÔNG THƯỜNG/ *ADDITIONAL INFORMATION REFERRING TO SMALL/NORMAL RISKS*

(1) Các bên thứ ba ở trong khu nhà, kho tàng/Third parties on the premises (*)

(a) Nhà cửa, kho tàng có được rào, khóa?/*Are the premises fenced and/or locked?* Có/*Yes* ☐ Không/*No* ☐

(b) Khách hàng/khách tham quan có được phép qua lại xung quanh nhà/kho tàng?/*Are customers/visitors permitted to move around the premises?* Có/*Yes* ☐ Không/*No* ☐

(2) Điều kiện nhà cửa, kho tàng/Conditions of premises (*)

(a) Có người trông nom không?/*Is housekeeping practised?* Có/*Yes* ☐ Không/*No* ☐

(b) Các dây dẫn điện và các bộ phận làm nóng/gas có trong điều kiện tốt không?/*Is electrical wiring and heating/gas appliances in good conditions?* Có/*Yes* ☐ Không/*No* ☐

(3) An toàn hỏa hoạn/Fire safety (*)

(a) Có các biện pháp phòng chống cháy và cung cấp nước không?/*Are fire protection and water supply adequate?* Có/*Yes* ☐ Không/*No* ☐

Nêu cụ thể: có sprinkler, bình cứu hỏa di động không?/ *Please specify if there is any sprinkler*

(b) Có cho phép được hút thuốc ở những nơi nguy hiểm không? Có/*Yes* ☐ Không/*No* ☐

III CÁC THÔNG TIN ĐỐI VỚI NHỮNG RỦI RO CÔNG NGHIỆP/*ADDITIONAL INFORMTATION REFERRI*

(1) Miêu tả khu vực xung quanh ngôi nhà, kho tàng/*Description of area surrounding the premises (*)*

(2) Các nguy hiểm về bốc xếp/dỡ hàng/*Loading/unloading exposures (*)*

(a) Có đường ray xe kéo trong khu nhà, kho tàng/*Railroad track on the premises* Có/*Yes* ☐ Không/*No* ☐

(b) Có các phương tiện cầu cảng ở khu nhà, kho tàng/*Harbour facilities on the premises* Có/*Yes* ☐ Không/*No* ☐

(c) Các nguy hiểm khác/*Others* Có/*Yes* ☐ Không/*No* ☐

(3)Số lượng và chủng loại của các phương tiện xe cơ giới, tàu thuyền được sử dụng/*Number and kind of vehicles, vessels and crafts used*

(4) Người yêu cầu bảo hiểm có điều khiển hay sử dụng/Handling or use of (*)

(a) Các chất nổ hay hóa chất/*explosives or chemicals* Có/*Yes* ☐ Không/*No* ☐

(b) Chất đồng vị phóng xạ hoặc vật chất phóng xạ/*radio isotopes or radioactive substances* Có/*Yes* ☐ Không/*No* ☐

(c) Các vật liệu độc hại/*toxic materials* Có/*Yes* ☐ Không/*No* ☐

(d) Chất amiang hay silicon/*asbestos or silicone* Có/*Yes* ☐ Không/*No* ☐

(5) Các nguy hiểm về ô nhiễm/Pollution hazards (*)

(a) Có các ao hồ, sông ngòi, v.v ở ngay vùng phụ cận của nhà cửa, kho tàng/*Are there any lakes, rivers, etc. in the immediate vicinity of the premises?* Có/*Yes* ☐ Không/*No* ☐

(b) Có các bể chứa, đường ống dẫn dầu, cống rãnh, v.v ở trong khu nhà, kho tàng/*Are there any tanks, pipelines, drainages, etc. on the premises?* Có/*Yes* ☐ Không/*No* ☐

Nếu có, nêu rõ khối lượng, tuổi, các chất chứa trong đó/*If yes, please specify the amount, age of the such liquid within*

(c)Có các chất thải lỏng được thải ra mương máng, sông ngòi hay biển?/*Is liquid wasted discharged into sewers, rivers or the sea?* Có/*Yes* ☐ Không/*No* ☐

Nếu có, xin nêu rõ/*If yes, please specify*

(d) Có các mùi đặc biệt tỏa ra từ khu nhà, kho tàng/*Are emissions deriving from the premises (if yes, name nature of the emissions)* Có/*Yes* ☐ Không/*No* ☐

Nếu có, xin nêu rõ tên và tính chất của mùi đó/*If yes, please specify the name and the nature of such emission*

IV CÁC THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VÀ MUA BÁN SẢN PHẨM/ *PRODUCT AND SALE INFORMATION*

(1) Ngành kinh doanh của Người yêu cầu bảo hiểm có liên quan đến việc chế tạo, chế biến, đóng gói, bán buôn hay bán lẻ?/*Does your business involve manufacture, processing, packing, wholesaling or retailing? Please state which (*)*

(2) Đề nghị nêu rõ chi tiết của tất cả các loại sản phẩm/*Give below details of all products (*)*

Tên sản phẩm thương mại/ *Trade name*	Tên công ty chế tạo/ *Name of Manufacturer*	Miêu tả sản phẩm/ *Description of product*	Doanh thu/ *Estimated Annual Turnover*

(3) Sản phẩm đã được đưa ra thị trường bao lâu/ *How long have your products been on the market?* _____

(4) Nêu rõ những sản phẩm nào thuộc loại dễ cháy, nổ, độc hại, phóng xạ hoặc nguy hiểm khác/*Specify any products which are inflammable, explosive, poisonous, radioactive or in any way dangerous (*)*

(5) Chỉ dẫn sử dụng bằng cách nào?/*Are directions for use given*

(a) Bằng cách in trực tiếp vào vật chứa hay sản phẩm/*by printing on the container or the product?* Có/*Yes* ☐ Không/*No* ☐

(b) Bằng tờ in rời, tài liệu chỉ dẫn riêng/*by separate leaflet or brochure?* Có/*Yes* ☐ Không/*No* ☐

(6) Miêu tả về vật chứa/*Describe the containers*

(7) Sản phẩm có được dùng như thành phần cấu thành không?/*Are the products used as components? (*)* Có/*Yes* ☐ Không/*No* ☐

Nếu có, cho biết loại sản phẩm và do ngành nào chế tạo?/*If yes, with what type of products and by what industries?*

(8) Sản phẩm có do một hãng khác lắp ráp hay có bộ phận được sản xuất ở nơi khác không? Nếu có, đề nghị nêu rõ chi tiết/ *If any of your products are assembled by another firm (or person) or if your products incorporate parts manufactured elsewhere, please give details below (*)* Có/*Yes* ☐ Không/*No* ☐

(9) Sản phẩm hoặc bộ phận nào của sản phẩm được chế tạo tại nước ngoài không?/*Are any of your products or components thereof manufactured abroad? (*)* Có/*Yes* ☐ Không/*No* ☐

Nếu có, vui lòng nêu rõ chi tiết/*If yes, please give details below*

Sản phẩm/Bộ phận/ *Product/Component*	Nước sản xuất/ *Country of Manufacture*	Giá trị sản phẩm/bộ phận/ *Value of Product/Component*

(10) Cho biết những chi tiết sau về sản phẩm được cung ứng hay phân phối ở nước ngoài/*Give the following details regarding products supplied or distributed abroad*

Nước/ *Country*	Doanh số/ *Annual Turnover*

Người yêu cầu bảo hiểm có đại diện ở nước ngoài không?*Does the Proposer have representative in those countries?* Có/*Yes* ☐ Không/*No* ☐

Nếu có, vui lòng nêu rõ chi tiết/Please give details

(11) Có ghi lưu trữ về các nguồn cung cấp hàng hóa và nguyên liệu mà Người yêu cầu bảo hiểm buôn bán hay sử dụng không?/*Do you keep record of the sources of supply of goods and materials which you handle or use?* Có/*Yes* ☐ Không/*No* ☐

(12) Có tham gia ký kết một thỏa thuận hay cam kết nào đó là sẽ bồi thường (hay không làm phương hại) cho người cung ứng nguyên liệu hay bộ phận của sản phẩm hay nhà thầu phụ hay người gia công về bất cứ thương tật hay thiệt hại nào không?/ *Do you enter into any agreements or undertakings to indemnify (or hold harmless) suppliers of materials or components or sub-contractors or processors in respect of any injury or damage? If yes, please supply wordings. (*)* Có/*Yes* ☐ Không/*No* ☐

(13) Có ban hành một bảo lãnh hay điều kiện mua bán nào đó có liên quan đến bất kỳ sản phẩm nào của hãng không?/*Do you issue any written guarantee or Conditions of Sale with or in respect of any of your products?* Có/*Yes* ☐ Không/*No* ☐

Nếu có, xin cho biết nội dung của bảo lãnh đó/*If yes, please specify wordings.*

Lưu ý/Note: đối với tất cả các sản phẩm có liên quan trong bản câu hỏi này, yêu cầu phải kèm theo các bản giới thiệu hay quảng cáo chỉ dẫn, mẫu mã, nhãn hiệu, các cam kết và điều kiện mua bán của các sản phẩm đó./*For all Products concerned in this enquiry it is essential that descriptive leaflets or brochures, specimen labels, guarantees and conditions of sale are attached to this questionnaire*

V BẢO HIỂM TRƯỚC ĐÂY/TỔN THẤT TRƯỚC ĐÂY/ *PREVIOUS INSURANCE/PREVIOUS CLAIMS*

(1) Người yêu cầu bảo hiểm đã từng được bảo hiểm trước đây chưa?/*Have you previously been insured? (*)*

Có/*Yes* ☐ Không/*No* ☐

Nếu có, xin nêu rõ/If yes, please specify

	Tên Công ty bảo hiểm/*Name of Insurer*	Thời hạn hợp đồng/*Policy period*	Mức trách nhiệm/*Limit of Indemnity*
1.			
2.			
3.			
4.			

(2) Người yêu cầu bảo hiểm đã bao giờ bị từ chối bảo hiểm chưa?/Has a previous application been declined? (*)

Bảo hiểm trước đây/*Has a previous insurance*

(a) Có yêu cầu tăng phí không?/*required increased premium?* Có/*Yes* ☐ Không/*No* ☐

(b) Có yêu cầu có những hạn chế riêng không?/*required special restrictions?* Có/*Yes* ☐ Không/*No* ☐

(c) Đã bị Công ty bảo hiểm cũ chấm dứt/không nhận tái tục không?/*been terminated/not been renewed by an insurer?*

Có/*Yes* ☐ Không/*No* ☐

Nếu có, xin cho biết thêm những chi tiết này/*If yes, please specify the detailed information*

(3) Xin cho biết các chi tiết sau đây/In respect of the products proposed for this insurance, please give details of (*):

(a) Những tổn thất đã giải quyết, chưa giải quyết/*any claims made or pending against you*

(b) Có tình huống nào hay sự kiện nào mà có thể dẫn đến khiếu nại đối với hãng của bạn chưa?/*any circumstances or incidents which may result in a claim or claims against your firm*

VI NHỮNG YÊU CẦU VỀ BỒI THƯỜNG/ *INDEMNITY REQUIRED*

(1) Hạn mức đối với mỗi sự cố/*Limit any one accident (*)*

(2) Mức tự bồi thường đối với mỗi và mọi tổn thất của Người yêu cầu bảo hiểm/ *Deductible each and every loss to be borne by insured*

(3) Đơn bảo hiểm đang còn hiệu lực/*Are other insurances in force?*

Tôi/chúng tôi xin tuyên bố rằng những báo cáo và chi tiết này đều đúng sự thật và chúng tôi không khai báo sai hoặc che dấu một chi tiết nào. Chúng tôi đồng ý là Giấy yêu cầu bảo hiểm này cùng với những thông tin khác mà chung tôi cung cấp sẽ là một bộ phận dựa trên cơ sở đó Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực./*I/We declare that the statements and particulars are true and that I/we have not misstated or suppressed any material facts. I/We agree that this proposal, together with any other information supplied by me/us, shall form the basis of any contract of insurance effective thereon.*

VI NHỮNG YÊU CẦU VỀ BỒI THƯỜNG/ *INDEMNITY REQUIRED*

Việc ký Giấy yêu cầu này không ràng buộc việc Người yêu cầu hay Bảo hiểm Bảo Việt phải hoàn chỉnh việc bảo hiểm này./Signing this proposal form does not bind the proposer or underwriter to complete this insurance.

Ký ngày/*Date*